TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 29/2023/DS-ST
Ngày 21-9-2023
" V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp và ông Hoàng Đức Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV HN; Địa chỉ: Thôn ĐT2, xã TT, huyện TP, tỉnh QT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: ông TVH - Giám đốc Công ty; Địa chỉ: Thôn ĐT2, xã TT, huyện TP, tỉnh QT, có mặt.

Bị đơn:

Ông HCS; Nơi cư trú: Thôn AT, xã TT, huyện TP, tỉnh QT, vắng mặt lần thứ hai.

Ông HCT; Nơi cư trú: Thôn AT, xã TT, huyện TP, tỉnh QT, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Công ty ông TVH - Giám đốc Công ty trình bày: Trong thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến ngày 06/9/2018, ông HCS và HCT (ông T là con trai ông S) đã mua vật liệu xây dựng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên HN để xây dựng nhà ở. Quá trình mua bán, ông S và ông T đã nhận hàng đầy đủ và đã trả một số tiền mặt. Số tiền ông S và ông T còn nợ tiền hàng là 49.256.000 đồng. Công ty đã đòi nợ nhiều lần từ nhiều năm nay nhưng đến nay ông S và ông T vẫn không thanh toán. Vì vậy, Công ty yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông HCS và ông HCT phải trả cho Công ty số tiền mua hàng còn nợ là 49.256.000 đồng. Công ty không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông HCS và HCT không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV HN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông HCT và ông HCS phải trả toàn bộ số tiền nợ hàng hóa theo giấy mua hàng. Ông HCT mua vật liệu xây dựng để xây nhà ở nên đây là quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông HCS và ông HCT cư trú tại thôn AT, xã TT, huyện TP, tỉnh QT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: ngày 11/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông HCS và ông HCT từ chối nhận. Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất và lần thứ hai vào ngày 31/5/2023 và 08/6/2023, tống đạt thông báo cho các đương sự nhưng bị đơn ông HCS và ông HCT từ chối nhận. Ngày 11/8/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian xét xử vào ngày 29/8/2023. Tại phiên tòa ngày 29/8/2023, ông HCS và ông HCT vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 21/9/2023. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty TNHH MTV HN có mặt, bị đơn ông S và ông T vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV HN về việc buộc ông HCS và ông HCT phải trả cho Công ty TNHH MTV HN số tiền mua hàng vật liệu xây dựng còn nợ là 49.256.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các phiếu giao nhận hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV HN với ông HCT do nguyên đơn nộp tại hồ sơ vụ án như sau: Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 24/08/2018 ông T đã mua cát và xi măng nợ lại với số tiền là 2.125.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 01/09/2018 ông T đã mua cát,đá,xi măng và thép các loại với số tiền là 12.000.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 05/09/2018, ông T đã mua gạch men, ống nhựa với số tiền là 9.565.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 08/09/2018: Gạch cotto đỏ nợ lại với số tiền là 490.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 06/09/2018 ông T đã mua cát và xi măng nợ lại với số tiền là 1.375.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 09/09/2018 ông T đã mua cát và xi măng nợ lại với số tiền là 2.125.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 20/09/2018 mặt hàng cát,đá,xi măng nợ lại với số tiền là 3.475.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 23/09/2018 mặt hàng cát nợ lại với số tiền là 625.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 27/09/2018 mặt hàng xi măng,gạch thẻ, cát, đá và thép các loại với số tiền là 5.371.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 11/10/2018 mặt hàng cát, xi măng, gạch men, ống nhựa, bệ cầu nợ

lại với số tiền là 8.355.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 11/10/2018 mặt hàng cát , xi măng, gạch đặc nợ lại với số tiền là 2.525.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 15/10/2018 mặt hàng cát nợ lại với số tiền là 625.000 đồng; Giấy giao nhận hàng (kiêm xác nhận công nợ) ngày 21/10/2018 mặt hàng xi măng nợ lại với số tiền là 600.000 đồng. Tất cả các phiếu giao nhận hàng hóa (kiêm xác nhận công nợ) trên đã được ông HCT ký nhận. Tổng cộng số tiền căn cứ vào các Giấy giao nhận hàng thì ông HCT còn nợ Công ty số tiền: 49.256.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: mặc dù ông HCS và ông HCT vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông S và ông T đều từ chối nhận, không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo các giấy tờ, phiếu giao nhận hàng có tại hồ sơ vụ án đều có chữ ký của người mua hàng là ông HCT. Công ty TNHH MTV HN đã nhiều lần yêu cầu ông S và ông T thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông S và T vẫn không thanh toán. Tại phiên tòa đại diện Công ty, ông Lê Văn Huế chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông HCT phải trả số tiền còn nợ cho Công ty TNHH MTV HN vì ông S không phải là người mua vật liệu của Công ty.

Xét yêu cầu của Công ty và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các giấy tờ giao nhận hàng hóa chỉ có một mình ông HCT ký nhận và ông T là người mua vật liệu của Công ty. Nay ông HCT không trả nợ cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, cần buộc ông HCT phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 49.256.000 đồng cho Công ty TNHH MTV HN. Ông HCS không có trách nhiệm phải trả số tiền nợ này.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV HN được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH MTV HN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.231.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000434 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. Bị đơn ông HCT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.462.800 đồng (làm tròn số: 2.463.000 đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV HN. Buộc ông HCT phải trả cho Công ty TNHH MTV HN số tiền là 49.256.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông HCT phải chịu 2.463.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV HN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.231.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000434 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Trị;
-VKSND huyện Triệu Phong;
-Chi Cục THADS huyện Triệu Phong;
-Các đương sự;
-Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa